

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 136/2024/DS-PT
Ngày: 22-02-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Ông Phan Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Hồ Thị L1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hồ Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ năm 2020 đến năm 2022 do có quan hệ quen biết, tin tưởng lẫn nhau nên bà Huỳnh Thị L có tham gia chơi hụi với vai trò là hụi viên do bà Hồ Thị L1 làm chủ hụi. Đến tháng 11 năm 2022 (âm lịch) bà L1 tuyên bố bế hụi, đồng thời ngừng tất cả các hoạt động giao dịch về hụi. Khi bà L1 tuyên bố bế hụi, bà L1 còn nợ bà L tổng số tiền là 184.000.000 đồng. Cụ thể gồm:

- Dây hụi thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021, gồm 17 hụi viên, bà L tham gia chơi 01 phần (hụi mẫn) và mua 01 phần. Khi bế hụi, bà L1 còn nợ bà L 17 phần hụi chết x 2.000.000 đồng = 34.000.000 đồng và 01 phần hụi mua 34.000.000 đồng. Bà L1 giao được 13.000.000 đồng. Còn nợ 55.000.000 đồng

- Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/5/2021, gồm 26 hụi viên, bà L tham gia chơi 01 phần (hụi mẫn). Khi bế hụi bà L1 còn nợ bà L: 26 phần hụi chết x 1.000.000 đồng = 26.000.000 đồng. Bà L1 giao được 13.000.000 đồng, còn nợ 13.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 3: Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 15/8/2021, gồm 25 hụi viên, bà L tham gia chơi 02 phần và mua 02 phần. Khi bế hụi bà L1 còn nợ bà L: 02 phần hụi mua 50.000.000 đồng, 02 phần hụi chơi x 10 phần hụi chết x 2.000.000 đồng = 40.000.000 đồng, tổng cộng 90.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 25/10/2021, gồm 21 hụi viên, bà L mua 01 phần. Khi bế hụi bà L1 còn nợ: 21.000.000 đồng.

- Hụi trước bà L1 giao còn nợ bà L số tiền 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà L1 còn nợ bà L là 184.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu lại thì bà L xác định bà L1 còn nợ số tiền là 147.000.000 đồng. Trong thời gian bà L1 làm chủ hụi, ông Nguyễn Văn T là chồng của bà L1 hoàn toàn biết việc bà L1 làm chủ hụi. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu bà Hồ Thị L1 và ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 147.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Hồ Thị L1 trình bày:

Bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi 147.000.000 đồng. Bà xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất số tiền 147.000.000 đồng, vì hiện giờ không có khả năng.

Mục đích bà làm hụi để lo kinh tế gia đình chứ bà không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân. Ông T biết bà làm hụi nhưng ông không có tham gia cùng với bà làm chủ

hụi. Số tiền nợ nêu trên bà tự gây nợ, bà tự chịu nên không đồng ý liên đới cùng ông T trả số nợ nêu trên.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về số tiền nợ hụi giữa bà L1 với bà L thì ông không rành, ông có thấy vợ ông làm chủ hụi nhưng ông không có tham gia; việc nợ ai, số tiền nợ bao nhiêu, chơi ra sao ông cũng không biết. Bà L1 làm chủ hụi, chơi hụi như thế nào không có bàn bạc, không thông qua ý kiến của ông. Đến khi sự việc bể hụi, các hụi viên đến nhà đòi thì lúc đó ông mới biết. Qua yêu cầu khởi kiện của bà L buộc ông có trách nhiệm liên đới với bà L1 để trả nợ là ông không đồng ý.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Hồ Thị L1 và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền nợ hụi là 147.000.000 (Một trăm bốn mươi bảy triệu) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/10/2023, bị đơn bà Hồ Thị L1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà L1 được trả dần cho bà L mỗi tháng 2.000.000 đồng đối với số tiền hụi 147.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà L1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà L1 (Đơn gửi đến Tòa án ngày 20/02/2024), bà L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Bị đơn bà Hồ Thị L1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L1, ông T.

[1.2] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm, phía bị đơn bà L1 chỉ kháng cáo xin trả dần đối với số tiền nợ hui. Do đó, cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại nội dung này, các phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất là bà L có tham gia chơi hui do bà L1 làm chủ hui, sau khi bà L1 bỏ hui bà L còn nợ bà L số tiền hui là 147.000.000 đồng. Mục đích bà L1 làm hui là phục vụ cho kinh tế gia đình, chồng bà L1 là ông Nguyễn Văn T biết việc bà L1 làm chủ hui. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bà L1, ông T liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui 147.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Bà L1 kháng cáo với nội dung đồng ý trả cho bà L số tiền nợ hui 147.000.000 đồng nói trên nhưng xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng. Yêu cầu này của bà L1 không được bà L đồng ý.

Xét thấy, khi các bên thỏa thuận chơi hui không có thỏa thuận về việc được trả dần tiền hui hàng tháng, bà L cũng không đồng ý với yêu cầu xin được trả dần của bà L1. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bà L1 về việc xin trả dần đối với số tiền nợ hui 147.000.000 đồng nên kháng cáo của bà L1 không được chấp nhận. Từ đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L1 phải chịu án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thị L1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 79/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Căn cứ các Điều 147, 148, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị L.

Buộc bà Hồ Thị L1 và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền nợ hui là 147.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Hồ Thị L1 và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới chịu án phí là 7.350.000 đồng (Bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.600.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004867 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Hồ Thị L1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0007585 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên